

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 01 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các Đ sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/10/2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ

chồng hay mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Đ hay rượu chè, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ tháng 8 năm 2023 chị T đã về nhà mẹ đẻ tại xã Tr, huyện Quảng Xương để ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T1 - sinh ngày 10/8/2014. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn là muốn được nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập họp lệ anh Nguyễn Văn Đ đến Tòa án để làm bản tự khai và tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn Đ không có mặt theo giấy triệu tập.

* Tại biên bản làm việc ngày 05/12/2023 của Tòa án đối với gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ) trình bày:

Anh Nguyễn Văn Đ là con trai và chị Nguyễn Thị T là con dâu của ông bà. Chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ, anh Đ biết, nhận được giấy tờ của Tòa án nhưng không lên để giải quyết. Trước khi chị T làm đơn xin ly hôn với anh Đ thì chị T và anh Đ ở cùng với gia đình ông B, bà H. Quá trình chị T và anh Đ chung sống thì ông bà thấy vợ chồng cũng có mâu thuẫn; chị T cũng về nhà mẹ đẻ ở khoảng 03 tháng nay; ông B, bà H cũng khuyên bảo vợ chồng chị T, anh Đ; nhưng việc ly hôn giữa chị T và anh Đ là do vợ chồng tự quyết định. Tuy nhiên mong muốn của ông B, bà H nếu chị T và anh Đ ly hôn thì ông bà có nguyện vọng để cháu Nguyễn Văn T1 (là con của chị T và anh Đ) ở cùng anh Đ và ông bà.

* Tại bản tự khai ngày 08/12/2023 có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị T (mẹ đẻ) và ông Nguyễn Văn B (ông nội) cùng đại diện chính quyền địa phương, cháu Nguyễn Văn T1 trình bày:

Cháu là con của bố Nguyễn Văn Đ và mẹ Nguyễn Thị T. Bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án. Nguyên vọng của cháu là được ở với mẹ Nguyễn Thị T.

* Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Đ đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T1 - sinh ngày 10/8/2014. Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại xã L, huyện Quảng Xương và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Như vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/10/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Chị T cho rằng trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, anh Đ hay rượu chè, không quan tâm đến gia đình, vợ con và từ tháng 8 năm 2023 chị T về nhà mẹ đẻ

ở, giữa chị T và anh Đ cũng không nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ và cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng tiến hành xuống gia đình chị T và anh Đ để làm việc, nhưng anh Đ không có thiện chí, né tránh; bản thân bố mẹ đẻ anh Đ là ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H cũng khuyên bảo anh Đ thay đổi, nhưng anh Đ không thay đổi và cũng không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc chị T vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T1 - sinh ngày 10/8/2014.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T1 và không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. HĐXX thấy rằng nguyện vọng được nuôi con, điều kiện nuôi con của chị T là chính đáng, bản thân công việc của chị T làm có thu nhập ổn định hàng tháng, và là phụ nữ nên việc dạy dỗ và sát sao với con vẫn hơn, mặt khác cháu Nguyễn Văn T1 có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy giao cháu Nguyễn Văn T1 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T1 - sinh ngày 10/8/2014.

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn T1. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- **Về tài sản, vay nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009964 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Nguyễn Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã L, H Quảng Xương
- Các Đ sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

